

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đ Thuận

Ông Hà Công Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2024/TLST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy Q**, sinh năm 2002 tại: xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T4 và bà Lê Thị T5; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 18/5/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống (có mặt).

- **Bị hại:**

+ Anh Phan Huy V, sinh ngày 25/10/2007

Người đại diện của Phan Huy V: Ông Phan Huy T6, sinh năm 1984 (là bố đẻ của Phan Huy V).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Đỗ Văn T7, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã VH, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Trần Văn T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn T8, xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

+ Anh Lê Đình T2, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tiểu khu Tập Cát 1, thị trấn Nông Cống, Nông Cống, Thanh Hóa

+ Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã VH, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Trung T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: SN 01, đường Ô, khối S1, phường HH, thành phố V1, tỉnh Nghệ An.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Bùi Ngọc T9, sinh năm 2004

Địa chỉ: Tiểu khu BD, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Nguyễn Duy T4, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt anh Ngô Văn Đ; vắng mặt bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 26/3/2024, Nguyễn Duy Q, sinh năm 2002, trú tại thôn S, xã V, huyện C đến nhà anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 2003, trú tại thôn BC, xã Y, huyện NT để uống rượu. Tại đây, Q gặp anh Phan Huy V, sinh ngày 25/10/2007, trú tại thôn BC, xã Y, huyện NT. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/3/2024, Q, Đ1 và V rủ nhau đi hát tại quán Karaoke Hộp Đêm tại Tiểu khu N1, thị trấn C, huyện C. Cả nhóm hát và nghỉ tại quán Karaoke đến khoảng 08 giờ ngày 27/3/2024, Q mượn điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, dung lượng 64GB, có ốp nhựa màu xanh đen của anh Phan Huy V để gọi cho bạn thì được anh V đồng ý và cung cấp mật khẩu mở khóa điện thoại. Gọi cho bạn xong, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã gọi điện qua ứng dụng Messenger cho anh Bùi Ngọc T9, sinh năm 2004, trú tại Tiểu khu BD, thị trấn C và nhờ anh T9 đến quán Karaoke chở Q về nhà. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAVEALPHA, biển kiểm soát 36U1-0547

mang chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone đã chiếm đoạt của anh V trước đó đến cửa hàng T1 Trần Mobile tại thị trấn BS, huyện NT bán cho anh Trần Văn T1, sinh năm 1996, trú tại thôn ĐT, xã V, huyện C được 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Chiều ngày 30/3/2024, Q sử dụng điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng của mình gọi điện qua ứng dụng Messenger cho anh Đỗ Văn T7, sinh năm 2003, trú tại thôn ĐT, xã VH, huyện C và nhờ đến đón Q ở nhà nghỉ Hòa Phát. Anh T7 đến và đón Q về nhà anh T7 chơi rồi sau đó rủ nhau đi câu cá tại hồ câu S2 ở xã C1, huyện C. Đến khoảng 15 giờ ngày 31/3/2024, Q hỏi mượn điện thoại Iphone 13 ProMax màu xanh lá, dung lượng 128GB, có ốp nhựa màu đen của anh Đỗ Văn T7 để xem phim. Anh T7 đồng ý và cung cấp mật khẩu mở khóa điện thoại cho Q rồi nằm ngủ ở bờ đá. Thấy anh T7 nằm ngủ nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên của anh T7. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Q nhắn tin cho anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại thôn ĐT, xã VH, huyện C (là lái xe taxi) và gửi vị trí để anh Đ vào đón Q. Sau khi lên xe, Q bảo anh Đ chở ra thị trấn C. Trên đường đi, Q thấy điện thoại của anh T7 có cài đặt ứng dụng tài khoản ngân hàng Techcombank nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của anh T7. Q tải ứng dụng ngân hàng Techcombank về điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng của Q rồi nhập số tài khoản ngân hàng Techcombank (số tài khoản 19072338684012) của anh T7 vào điện thoại của mình để ghi nhớ. Sau đó, Q mang điện thoại Iphone 13 ProMax đã chiếm đoạt của anh T7 đến quán Đình T2 Mobide, ở Tiểu khu TC 1, thị trấn C bán cho anh Lê Đình T2, sinh năm 1997, trú tại Tiểu khu TC 1, thị trấn C, huyện C được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Khi bán điện thoại, Q tháo sim trong điện thoại của anh T7 ra lắp vào điện thoại của Q. Sau đó, Q đi ra xe ô tô và bảo anh Đ chở đi thành phố V1, tỉnh Nghệ An. Trên đường đi, Q truy cập vào ứng dụng ngân hàng Techcombank đã tải sẵn về điện thoại từ trước, nhập số tài khoản ngân hàng của anh T7 và nhập mật khẩu đăng nhập (là mật khẩu mở khóa điện thoại của anh T7). Sau đó, có tin nhắn gửi mã OTP về điện thoại, Q nhập mã OTP và nhập xác thực lại mật khẩu. Sau đó, Q đã sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng của anh T7 để thực hiện việc chuyển khoản thanh toán hàng hóa, dịch vụ mà mình đã sử dụng. Cụ thể như sau:

- Khi đang trên đường cao tốc vào thành phố V1, tỉnh Nghệ An, Q hỏi anh Đ tiền taxi hết bao nhiêu thì được anh Đ cho biết hết tổng cộng 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Q sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank của anh T7 chuyển khoản số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sang tài khoản ngân hàng của anh Đ để thanh toán tiền taxi.

- Khi đến thành phố V1, Q vào thuê phòng ở nhà nghỉ TT tại số 01, đường Ô, khối S, phường HH, thành phố V1, tỉnh Nghệ An. Tại đây, Q tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank của anh T7 chuyển khoản 02 (hai) lần với tổng số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đến tài khoản của anh Nguyễn Trung T1 (chủ nhà nghỉ TT) để thanh toán tiền phòng nghỉ.

- Khi ở tại nhà nghỉ TT, Q đặt đồ ăn qua ứng dụng Grab hết 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Khi nhân viên giao đồ ăn đến, Q tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank của anh T7 chuyển khoản số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến tài khoản của người giao hàng để thanh toán tiền đồ ăn.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Q tiếp tục đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của anh T7 nhưng ứng dụng báo lỗi đăng nhập nên Q đã xóa ứng dụng khỏi điện thoại của mình.

Ngày 09/5/2024, Nguyễn Duy Q đến Công an xã V đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã có văn bản đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nông Cống tiến hành định giá tài sản đối với 02 chiếc điện thoại mà Q đã chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nông Cống kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, dung lượng 128GB, màu xanh lá, đã sử dụng; 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0965.691.218, đã sử dụng và 01 (một) ốp lưng sử dụng cho điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax bằng nhựa màu đen có tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.455.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐGTS ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nông Cống kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 64GB, màu đen, đã sử dụng; 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0869.882.801, đã sử dụng và 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu xanh đen sử dụng cho điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 có tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.681.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng).

Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống có văn bản đề nghị Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cung cấp sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản anh Đỗ Văn T7. Kết quả sao kê tài khoản của anh Đỗ Văn T7 phù hợp với lời khai của Nguyễn Duy Q và bị hại.

Đối với anh Trần Văn T1 và anh Lê Đình T2 là những người mua điện thoại do Q chiếm đoạt được nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Duy T4, sinh năm 1978 trú tại thôn S, xã V1, huyện C (bố bị cáo) không biết Q sử dụng xe mô tô nhãn hiệu WAVEALPHA, biển kiểm soát 36U1-0547 để đi bán điện thoại đã chiếm đoạt của anh V nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Ngô Văn Đ là lái xe taxi chở Q đi bán điện thoại nhưng không biết việc Q bán điện thoại đã chiếm đoạt của anh T7, anh Đ cũng không biết Q sử dụng tài khoản của T7 để thanh toán tiền taxi nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Trung T1 là chủ nhà nghỉ không biết việc Q sử dụng tài khoản của T7 để thanh toán tiền dịch vụ lưu trú nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi có dấu hiệu “Kinh doanh dịch vụ Karaoke ngoài khoảng thời gian từ 08 giờ đến 24 giờ mỗi ngày” quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ của quán Karaoke Hộp Đêm; Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã có văn bản đề nghị Trưởng Công an huyện Nông Cống tiến hành xác minh, xử lý theo quy định.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

- Đối với vật chứng của vụ án là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax: Sau khi mua được điện thoại từ Q thì anh Trần Văn T1 và anh Lê Đình T2 đã bán lại cho người không quen biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không có căn cứ để truy tìm hoặc thu giữ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus: Nguyễn Duy Q đã bán cho một người không quen biết lấy tiền tiêu xài cá nhân nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không có căn cứ để truy tìm hoặc thu giữ.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu WAVEALPHA, biển kiểm soát 36U1-0547 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Duy T4 (bố bị cáo), không biết bị can sử dụng để đi bán điện thoại đã chiếm đoạt của V nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không thu giữ.

- Đối với số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) mà Nguyễn Duy Q có được do bán 02 chiếc điện thoại trên, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Duy Q đã bồi thường toàn bộ thiệt hại gồm: 7.681.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám một nghìn đồng) cho anh Phan Huy V và 18.055.000đ (Mười tám triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) cho anh Đỗ Văn T7. Anh V, anh T7 không có yêu cầu bồi thường gì thêm và anh Đỗ Văn T7, anh Phan Huy V đều có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Duy Q.

- Đối với anh Trần Văn T1, Lê Đình T2, Ngô Văn Đ, Nguyễn Trung T1 không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

Tại Cáo trạng số 60/CT - VKS - NC ngày 22 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Duy Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; về hình phạt bổ sung: đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Q phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q mức án từ 27 tháng tù đến 33 tháng tù; về hình phạt bổ sung: đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 45 tháng đến 57 tháng tù; về hình phạt bổ sung từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự, bị hại và người đại diện của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị hại và người đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm

chứng; phù hợp với kết quả sao kê giao dịch trên tài khoản ngân hàng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Vào khoảng 8 giờ ngày 27/3/2024 tại thị trấn C, huyện C Nguyễn Duy Q có hành vi mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của anh Phan Huy V để gọi điện cho bạn, sau đó nảy sinh ý định phạm tội chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh V mang đi bán lấy số tiền 5.000.000đ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/3/2024 tại xã C1, huyện C Nguyễn Duy Q có hành vi mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax của anh Đỗ Văn T7 để xem phim, sau đó nảy sinh ý định phạm tội chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T7 mang đi bán lấy số tiền 6.000.000đ để tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống kết luận: Tổng giá trị của chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.681.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng), tổng giá trị của chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.455.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 23.136.000đ (Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/3/2024, trên đường đi từ xã C1 ra thị trấn C, Q thấy điện thoại của anh T7 có cài đặt ứng dụng tài khoản ngân hàng Techcombank nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của anh T7. Q tải ứng dụng ngân hàng Techcombank về điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng của Q rồi nhập số tài khoản ngân hàng Techcombank (số tài khoản 19072338684012) của anh T7 vào điện thoại của mình để truy cập vào ứng dụng ngân hàng Techcombank của anh T7. Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 20 giờ 30 phút ngày 31/3/2024, trên đường cao tốc từ huyện Nông Cống đi thành phố V1, tỉnh Nghệ An và tại phường HH, thành phố V1, tỉnh Nghệ An Nguyễn Duy Q đã có hành vi sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng Techcombank của anh Đỗ Văn T7 thực hiện 04 giao dịch chuyển khoản với tổng số tiền là 2.600.000đ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các hành vi nêu trên của Nguyễn Duy Q có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng đối với tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Hành vi của bị cáo mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của anh Phan Huy V và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax của anh Đỗ Văn T7, sau đó nảy sinh ý định phạm tội chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh V và của anh T7 mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá

nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Sau khi thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh T7, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng Techcombank của anh Đỗ Văn T7 thực hiện 04 giao dịch chuyển khoản với tổng số tiền là 2.600.000đ từ tài khoản ngân hàng của anh T7 để thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác và sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với cả 2 tội bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội bồi thường thiệt hại; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, bị hại và người đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo bị Tòa án xét xử về 02 tội nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Duy Q thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân nên áp dụng khoản 5 Điều 175BLHS và khoản 5 Điều 290 BLHS, phạt bổ sung đối với bị cáo một số tiền để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện gia đình bị cáo, người đại diện của bị hại và các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Q phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 175; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 38 BLHS đối với cả 2 tội; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản":

Xử phạt: Nguyễn Duy Q 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 54 (Năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2024.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Phạt bổ sung Nguyễn Duy Q 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước; về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

+ Phạt bổ sung Nguyễn Duy Q 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước; về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt bổ sung của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Duy Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại và người đại diện của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

